

Bản án số: 340/2024/HS - PT
Ngày: 18 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyên

2. Ông Trương Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 287/2024/TLPT-HS ngày 19/8/2024 đối với các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 322/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Công T1; giới tính: Nam; sinh năm 1993; tại tỉnh T; nơi đăng ký thường trú: ấp R, xã L, huyện C, tỉnh T; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Nguyễn Công M1 và bà Đoàn Thị C1; có vợ và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024; có mặt.

2. Nguyễn Thành H; giới tính: Nam; sinh năm 1999; tại tỉnh B; nơi đăng ký thường trú: ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B; chỗ ở: đường T, khu phố b, phường P, thành phố Đ, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 3/12; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Đoàn Thị Út C2; có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024; có mặt.

3. Võ Minh T2; giới tính: Nam; sinh năm 1977; tại tỉnh Đ; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đ; chỗ ở: Đường A, tổ B, khu phố C, phường T, thành phố Đ, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: không biết chữ; nghề nghiệp: Phụ hồ; con ông Võ Văn M2 và bà Nguyễn Thị M3; có vợ là Lao Thị T3; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024; có mặt.

- *Người bào chữa:*

Luật sư Đinh Thái H2 - Công ty luật BNM thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công T1; có mặt.

Luật sư Phạm Trọng E - Công ty luật TNHH MTV BP thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B bào chữa cho bị cáo các bị cáo Nguyễn Thành H và Võ Minh T2; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Ngọc D; sinh năm 1988.

Địa chỉ: đường D, khu phố S, phường T, thành phố Đ, thành phố H; vắng mặt.

2. Ông Đỗ Văn T4; sinh năm 1995.

Địa chỉ: đường C, phường B, quận M, thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Ngọc H1; sinh năm 1990.

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thành phố Đ, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 làm cộng tác viên với tổ đặc nhiệm thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức). Trong quá trình hỗ trợ lực lượng công an làm nhiệm vụ, lợi dụng lúc không có lực lượng Công an, Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 đã thực hiện hai vụ cưỡng đoạt tài sản như sau:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng 04 giờ sáng ngày 15/02/2019, Nguyễn Công T1 điều khiển xe mô tô biển số 52X2-2048 chở Võ Minh T2, còn Nguyễn Thành H điều khiển xe mô tô biển số 51X8-0123 lưu thông trên đường Phạm Văn Đồng, hướng từ cầu Bình Triệu về chợ Thủ Đức. Khi đến vòng xoay Linh Đông, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, phát hiện ông Trần Ngọc D điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner (không rõ biển số) chở bạn tên T5 (chưa rõ lai lịch) lưu thông phía trước liền đuổi theo, ông Trần Ngọc D nghĩ nhóm của Nguyễn Công T1 là công an nên sợ, tăng ga bỏ chạy. Khi nhóm của Nguyễn Công T1 đuổi theo ông Trần Ngọc D đến cầu Bình Phước thuộc Quận 12 thì xe của ông Trần Ngọc D va vào cây chắn giảm tốc làm T5 ngồi sau bị ngã xuống đường, ông Trần Ngọc D dừng xe lại, Nguyễn Công T1 điều khiển xe chở Võ Minh T2 chạy đến giữ ông Trần Ngọc D (còn T5 đi đâu không rõ). Nguyễn Công T1 tự xưng là công an và yêu cầu ông Trần Ngọc D ngồi lên xe của Nguyễn Công T1 chở về trụ sở công an phường Hiệp Bình Phước. Trên đường đi, Nguyễn Công T1 nói giao ông Trần Ngọc D cho Công an phường để ông Trần Ngọc D sợ, tin tưởng Nguyễn Công T1 là công an thật. Nguyễn Công T1 không đưa ông Trần Ngọc D về trụ sở công an mà đến quán cà phê tại địa chỉ 173, Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Võ Minh T2 điều khiển xe của ông

Trần Ngọc D theo sau. Khi Nguyễn Công T1 chở ông Trần Ngọc D đến quán cà phê thì Nguyễn Thành H bị lạc đường nên đứng đợi ở cầu vượt Hiệp Bình Phước. Khi Nguyễn Công T1, Võ Minh T2 và ông Trần Ngọc D đến quán cà phê số 173, Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Hiệp bình Chánh; Nguyễn Công T1 hỏi ông Trần Ngọc D tiền, ông Trần Ngọc D trả lời không có. Ông Trần Ngọc D đề nghị được gọi điện thoại cho người thân để mượn tiền; Nguyễn Công T1 đồng ý và ra giá 3.000.000 đồng. Ông Trần Ngọc D gọi điện cho em ruột là Trần Ngọc H1 nhờ mang tiền đến đưa cho Nguyễn Công T1 để Nguyễn Công T1 tha cho ông Trần Ngọc D. Sau khi ông Trần Ngọc D nói chuyện điện thoại với bà Trần Ngọc H1 thì Nguyễn Công T1 lấy máy điện thoại di động hiệu Mobistar của ông Trần Ngọc D gọi bà Trần Ngọc H1 và hẹn gặp tại trước số nhà 1109 đường Kha Vạn Cân, khu phố 4, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức để lấy tiền. Do Nguyễn Thành H bị lạc đường nên Nguyễn Công T1 gọi Nguyễn Thành H đến quán cà phê nơi Võ Minh T2 đang giữ ông Trần Ngọc D, còn Nguyễn Công T1 đi gặp bà Trần Ngọc H1 để lấy tiền. Khi Nguyễn Thành H đến quán cà phê, thấy Võ Minh T2 nên vào ngồi cùng Võ Minh T2 và ông Trần Ngọc D.

Khi gặp chị Trần Ngọc H1, Nguyễn Công T1 hỏi tiền, bà Trần Ngọc H1 trả lời mang theo 5.000.000 đồng nhưng xin lại 300.000 đồng để trả tiền taxi, còn 4.700.000 đồng đưa cho Nguyễn Công T1. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Công T1 gọi điện cho Võ Minh T2 thả ông Trần Ngọc D, Nguyễn Công T1 giữ lại điện thoại Mobistar của ông Trần Ngọc D và đến quán cà phê gặp Võ Minh T2 và Nguyễn Thành H. Sau đó, Nguyễn Công T1 chia cho Võ Minh T2 1.500.000 đồng, chia cho Nguyễn Thành H 500.000 đồng, Nguyễn Công T1 giữ lại 2.500.000 đồng còn 200.000 đồng trả tiền ăn uống và đồ xăng. Nguyễn Công T1 bán điện thoại của ông Trần Ngọc D được 900.000 đồng, tiêu xài hết.

Tiến hành nhận dạng: Ông Trần Ngọc D nhận ra Nguyễn Công T1 là người đã chiếm đoạt điện thoại Mobistar của mình, yêu cầu ông Trần Ngọc D đưa tiền thì Nguyễn Công T1 cho về.

2. Vụ thứ hai:

Khoảng 03 giờ sáng ngày 07/4/2019, Nguyễn Công T1 chở Nguyễn Phương L trên xe mô tô Exciter biển số 52X2-2048, Nguyễn Thành H chở Võ Minh T2 trên xe mô tô Exciter biển số 51X8-0123, từ Công ty dệt may VT, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức về hướng Suối Tiên. Khi đến trước quán nước trường Đại học An Ninh, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức thấy ông Nguyễn Chế C3 điều khiển xe mô tô biển số 59D2-625.14 chở ông Nguyễn Anh H3 ngồi sau dùng chân đẩy xe mô tô biển số 93H1-024.22 do ông Đỗ Văn T4 điều khiển đi cùng một nhóm bạn. Nhóm của Nguyễn Công T1 đuổi theo, Nguyễn Công T1 ép xe của ông Đỗ Văn T4 vào lề, nhóm bạn của ông Đỗ Văn T4 bỏ chạy. Nguyễn Công T1 móc ví lấy 01 chiếc thẻ màu đỏ đưa cho ông Đỗ Văn T4 để ông Đỗ Văn T4 lo sợ, tin tưởng Nguyễn Công T1 là công an kiểm tra. Nguyễn Phương L giữ ông Đỗ Văn T4 và xe mô tô, còn Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 tiếp tục đuổi theo nhóm thanh niên đang chạy xe phía trước. Khi đến cầu Rạch Chiếc, thành phố Thủ Đức, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 bị ngã xe và bị thương, nên Nguyễn Công T1 gọi xe taxi đưa Võ Minh T2 và Nguyễn Thành H đến bệnh viện Quân dân y Miền Đông để điều trị. Sau đó, Nguyễn Công T1 quay lại chỗ ông Đỗ Văn T4 đang ở cùng với Nguyễn

Phương L. Nguyễn Công T1 nói ông Đỗ Văn T4 lên xe để chở về phường, Nguyễn Phương L ngồi lên xe của ông Đỗ Văn T4 để Nguyễn Công T1 đẩy xe có Nguyễn Phương L ngồi trên về bãi đất trống thuộc khu vực đường 16, khu phố 5, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức nơi vắng người qua lại. Nguyễn Công T1 hỏi ông Đỗ Văn T4 có tiền không, ông Đỗ Văn T4 nói không có tiền. Nguyễn Công T1 lấy ví của ông Đỗ Văn T4 kiểm tra và lấy 01 giấy đăng ký xe biển số 63H1-024.22, 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân tên Đỗ Văn T4, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 và hẹn ông Đỗ Văn T4 09 giờ ngày hôm sau gặp trước trường Đại học Nông Lâm, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức đem theo 5.000.000 đồng và gọi vào số điện thoại này để chuộc lại giấy tờ và điện thoại. Nguyễn Công T1 gỡ cục IC của xe ông Đỗ Văn T4 vứt bỏ trên đường và chở Nguyễn Phương L bỏ đi.

Sau khi bị Nguyễn Công T1 lấy điện thoại và giấy tờ thì ông Đỗ Văn T4 kể cho ông Nguyễn Văn H4 và ông Nguyễn Chế C3 nghe việc bị nhóm của Nguyễn Công T1 chặn lại kiểm tra, Nguyễn Công T1 yêu cầu ông Đỗ Văn T4 đưa 5.000.000 đồng và lấy điện thoại di động hiệu Samsung J7 cùng giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe và giấy phép lái xe. Đến 09 giờ ngày hôm sau, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Phương L đến điểm hẹn trước trường Đại học An Ninh nhưng không gặp ông Đỗ Văn T4 nên Nguyễn Công T1 đưa cho Nguyễn Phương L giấy tờ của ông Đỗ Văn T4, còn điện thoại Nguyễn Công T1 giữ. Sau đó, khoảng 01 tuần Nguyễn Phương L qua nhà gặp Võ Minh T2 và đưa cho Võ Minh T2 giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và giấy đăng ký xe của ông Đỗ Văn T4, Võ Minh T2 đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Ngày 09/4/2019, ông Đỗ Văn T4 đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức trình báo.

Tiến hành nhận dạng: Ông Đỗ Văn T4 nhận ra Nguyễn Công T1, người đã chặn xe bắt đưa 5.000.000 đồng để chuộc điện thoại di động hiệu Samsung J7, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe mà ngày 07/4/2019 Nguyễn Công T1 đã chiếm đoạt của ông Đỗ Văn T4. Ông Đỗ Văn T4 nhận dạng được Nguyễn Công T1 do khi Nguyễn Công T1 chở ông Đỗ Văn T4 và khi nói chuyện với ông Đỗ Văn T4, Nguyễn Công T1 mở khẩu trang nên ông Đỗ Văn T4 nhìn rõ mặt.

Qua truy xét, ngày 06/5/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức mời Nguyễn Công T1, Võ Minh T2, Nguyễn Thành H đến làm việc. Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tiến hành cho Nguyễn Công T1 xác định địa điểm, Nguyễn Công T1 chỉ địa điểm bãi đất trống, khu phố 5, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức là nơi Nguyễn Công T1 cùng đồng phạm thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông Đỗ Văn T4 vào ngày 07/4/2019. Cho ông Đỗ Văn T4 xác định địa điểm, ông Đỗ Văn T4 xác định được địa điểm bị Nguyễn Công T1 lấy điện thoại di động, giấy tờ xe, chứng minh nhân dân là tại bãi đất trống, khu phố 5, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức.

Tiến hành cho Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 xác định địa điểm, Nguyễn Công T1 chỉ địa điểm số 1109 đường Kha Vạn Cân, khu phố 4, phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức là nơi Nguyễn Công T1 cùng đồng phạm thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của ông Trần Ngọc D vào ngày 15/02/2019, địa

điểm số 173 Quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức là nơi Võ Minh T2, Nguyễn Công T1 và Nguyễn Thành H giữ ông Trần Ngọc D.

Huỳnh Bửu L1 là người viết dùm bản tự khai của Võ Minh T2 xác nhận do Huỳnh Bửu L1 không biết chữ nên viết dùm bản tự khai. Trong thời gian làm việc tại Cơ quan Công an không có ai đe dọa, ép buộc ghi theo ý của cán bộ điều tra, lời khai của Huỳnh Bửu L1 có mẹ của Huỳnh Bửu L1 xác nhận.

Ngày 14/11/2019, Nguyễn Công T1, Võ Minh T2, Nguyễn Thành H kêu oan, không thừa nhận hành vi đi tuần tra rồi thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản vào các ngày 15/02/2019 và ngày 07/4/2019 của ông Trần Ngọc D, bà Trần Ngọc H và ông Đỗ Văn T4. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã điều tra xác minh và có văn bản trả lời số 91/CQCSĐT (CSĐT-TTXH) ngày 25/12/2019.

Ngày 07/5/2021, Nguyễn Công T1, Võ Minh T2 và Nguyễn Thành H thay đổi lời khai: Ngày 15/02/2019, có đi tuần trên đường Phạm Văn Đồng, phát hiện 02 thanh niên lưu thông trên 01 xe mô tô có biểu hiện nghi vấn nên đuổi theo. Khi chạy đến Quốc lộ 13 thì xe của Nguyễn Thành H bị hư nên bị bỏ lại phía sau, Võ Minh T2 và Nguyễn Công T1 tiếp tục đuổi theo 01 đoạn thì 02 thanh niên bị ngã xe. Một thanh niên bỏ chạy bộ, Nguyễn Công T1 đuổi theo 01 đoạn thì quay lại, người thanh niên còn lại dựng xe lên rồi bỏ chạy luôn. Sau đó, Nguyễn Công T1 và Võ Minh T2 quay lại 01 đoạn thì gặp Nguyễn Thành H rồi cả 03 bị cáo ra về. Lý do các bị cáo thay đổi lời khai là do bị cán bộ điều tra buộc, ép khai và ký tên vào bản ghi lời khai theo hướng dẫn của cán bộ điều tra.

Đến các ngày 08, 10 tháng 11 năm 2023, các bị cáo tiếp tục thay đổi lời khai: Vào tháng 02/2019, các bị cáo đi tuần, thấy 02 thanh niên lưu thông trên 01 xe mô tô nên gọi cho ông Hà Thành V là cán bộ trinh sát của Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Thủ Đức, ông Hà Thành V nói chạy theo xem sao. Nguyễn Công T1 chở Võ Minh T2, Nguyễn Thành H đi một mình đuổi theo qua nhiều tuyến đường khác nhau. Khi thấy nhóm của Nguyễn Công T1 bám theo thì 02 thanh niên tăng ga bỏ chạy, lấy dao Thái Lan ném về phía Nguyễn Công T1. Khi chạy đến cầu vượt Bình Phước thì 02 thanh niên bị ngã xe, 01 người chạy vào lùm cây thì Nguyễn Công T1 đuổi theo nhưng không gặp được nên quay ra, người còn lại dựng xe lên thì Nguyễn Công T1 hỏi mấy ông làm gì chạy dữ vậy, Nguyễn Công T1 gọi điện cho ông Hà Thành V, ông Hà Thành V nói chở người và xe về công an quận mai xử lý nên Nguyễn Công T1 và Võ Minh T2 đưa thanh niên cùng xe về Đội hình sự của Công an thành phố Thủ Đức, sau đó cả hai ra về thì gặp Nguyễn Thành H. Còn ngày 07/4/2019, Nguyễn Công T1, Võ Minh T2, Nguyễn Thành H và Nguyễn Phương L nhìn thấy nhóm xe trong đó có 01 xe bị hư được xe khác đẩy. Khi nhóm của Nguyễn Công T1 chạy đến thì nhóm người này chạy vượt lên, để lại chiếc xe bị hư và người điều khiển. Lúc này, Nguyễn Thành H, Nguyễn Công T1 và Võ Minh T2, Nguyễn Phương L dừng xe bên lề đường để Nguyễn Công T1 gọi điện thoại cho ông Hà Thành V thì anh Hà Thành V nói cứ chạy theo sau xem nhóm thanh niên trên làm gì. Nguyễn Thành H cùng Võ Minh T2 chạy theo nhóm người trên, Nguyễn Công T1 chạy phía sau nhưng không chở Nguyễn Phương L do Nguyễn Phương L đứng dưới đất không đi theo Nguyễn Công T1. Khi đến cầu Rạch Chiếc thì Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 bị ngã xe, Nguyễn Công T1 gọi taxi đưa Nguyễn Thành H, Võ Minh

T2 và xe bị hư đến bệnh viện Quân dân y Miền Đông cấp cứu. Nguyễn Công T1 không chặn hay kiểm tra bất cứ xe nào, không có quay lại rước ai hết.

Tiến hành đối chất giữa Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 với ông Nguyễn Trọng H7: Ông Nguyễn Trọng H7 khai trong quá trình làm việc với các bị cáo, ông Nguyễn Trọng H7 không ép buộc, đe dọa bắt tạm giam 03 bị cáo. Ông Nguyễn Trọng H7 làm việc với các bị cáo tại trụ sở, không tiếp xúc bên ngoài trụ sở cơ quan, làm việc đúng quy trình, ghi biên bản xong, cho các bị cáo đọc lại, ký xác nhận vào biên bản ghi lời khai.

Tiến hành đối chất giữa Đỗ Văn T4 và Nguyễn Công T1: Ông Đỗ Văn T4 xác định Nguyễn Công T1 là người đã lấy điện thoại di động, lấy giấy tờ của ông Đỗ Văn T4 và buộc ông Đỗ Văn T4 đưa 5.000.000 đồng để chuộc lại điện thoại cùng giấy tờ.

Tiến hành đối chất giữa ông Hà Thành V và Nguyễn Công T1: Ông Hà Thành V xác định năm 2017 xây dựng Nguyễn Công T1 làm cộng tác viên bí mật, đến tháng 4/2019, thấy Nguyễn Công T1 không cung cấp được thông tin có hiệu quả nên đã đề xuất thanh loại Nguyễn Công T1 ra khỏi cộng tác viên. Nhiệm vụ của Nguyễn Công T1 chủ yếu là khi phát hiện đối tượng nghi vấn thì báo cho Cơ quan Công an có mặt để theo dõi đề xuất hướng xử lý. Nguyễn Công T1 không được phép tự ý kiểm tra đối tượng nghi vấn trừ khi đối tượng phạm tội quả tang.

Kết quả xác minh:

- Tại Bệnh viện Quân dân y Miền Đông ngày 07/4/2019 tiếp nhận Võ Minh T2, sinh năm 1976, cư trú tại phường T, thành phố Đ vào cấp cứu;

- Tại phường L, quận T để tìm nhân chứng Võ Đông H5 thì không tìm thấy do thông tin nơi ở không rõ ràng;

- Tại Ban chỉ huy Quân sự phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Ban chỉ huy quân sự phường An Bình không cung cấp thẻ LLCĐ-Ban CHQS phường An Bình cho Nguyễn Công T1. Nguyễn Công T1 khai thẻ LLCĐ-Ban CHQS phường An Bình là do trước đây Nguyễn Công T1 làm dân quân tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương thì có 01 người làm chung cấp cho Nguyễn Công T1 nhưng Nguyễn Công T1 không nhớ rõ người đó là ai, Nguyễn Công T1 không biết là thẻ giả;

- Đối với Nguyễn Phương L: Hiện nhân khẩu Nguyễn Phương L đã bán nhà tại địa chỉ đường X, tổ B, khu phố N, phường T, thành phố Đ, hiện vắng mặt tại địa phương, không rõ ở đâu;

- Đối với ông Trần Ngọc D: Tại địa chỉ nơi có hộ khẩu thường trú đường P, phường S, thành phố N, tỉnh K cả hộ gia đình đã bán nhà đi sinh sống ở nơi khác, bà Trần Ngọc H1 khai không rõ Trần Ngọc D hiện đang ở đâu do gia đình không có liên lạc với Trần Ngọc D.

Kết luận giám định 3085/KL-KTHS ngày 19/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không tìm thấy file âm thanh “bản ghi mới 2 ngày 11/9/2020”, không đủ điều kiện giám định;

Kết luận giám định số 5134/KL-KTHS của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không đủ cơ sở giám định tiếng nói của Nguyễn

Văn H6, Huỳnh Bửu L1. Do tiếng nói của Nguyễn Văn H6, Huỳnh Bửu L1 không đảm bảo yêu cầu giám định;

Kết luận giám định số 1975/KLGD-TT ngày 07/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Khóa số tám bằng kim loại gửi giám định ký hiệu số 1 (đã nêu ở mục II.1) còn sử dụng được, không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Căn cứ khoản 6 Điều 3 của Luật quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 và Danh mục Công cụ hỗ trợ ban hành theo Thông tư số 21/2019/TT - BCA ngày 18/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an thì khóa số tám gửi giám định là công cụ hỗ trợ;

2. Bình xịt gửi giám định ký hiệu số 2 (đã nêu ở mục II.1) là bình xịt hơi cay, không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Căn cứ điểm e khoản 11 Điều 3 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 và Danh mục Công cụ hỗ trợ ban hành theo Thông tư số 21/2019/TT-BCA ngày 18/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an thì bình xịt hơi cay gửi giám định là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ;

3. Dụng cụ phóng điện gửi giám định ký hiệu số 3 (đã nêu ở mục II.1) là dùi cui điện, không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Căn cứ điểm e khoản 11 Điều 3 của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 và Danh mục Công cụ hỗ trợ ban hành theo Thông tư số 21/2019/TT-BCA ngày 18/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an thì dùi cui điện gửi giám định là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ;

4. Cây giữ tam khúc bằng kim loại gửi giám định ký hiệu số 4 (đã nêu ở mục I.1) là dùi cui kim loại, còn sử dụng được, không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Căn cứ điểm e khoản 11 Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 và Danh mục Công cụ hỗ trợ ban hành theo Thông tư số 21/2019/TT-BCA ngày 18/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an thì dùi cui kim loại gửi giám định là công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự thuộc nhóm công cụ hỗ trợ;

5. Thẻ LLCD - BAN CHQS P. An Bình mang tên Nguyễn Công T1 gửi giám định ký hiệu số 5 (đã nêu ở mục II.I) là giả.

Kết luận định giá tài sản số 824/CV-HĐĐGTSTTTHS ngày 13/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Đức ngày 13/5/2019, điện thoại di động hiệu Samsung J7; giá trị 1.800.000 đồng;

Kết luận định giá tài sản số 1484/CV-HĐĐGTSTTTHS ngày 02/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Đức ngày 13/5/2019, điện thoại di động hiệu Mobistar; giá trị 1.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 322/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024;

Xử phạt bị cáo Võ Minh T2 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2024 các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử minh oan, tuyên các bị cáo không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời gian luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 kêu oan, Viện kiểm sát nhận thấy: Tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm và phúc thẩm trước đây đã xét xử đối với các bị cáo, các bị cáo kêu oan và Luật sư bào chữa đưa ra luận chứng trong thời gian điều tra có vi phạm tố tụng do Điều tra viên bức cung, nhục hình cho các bị cáo ký không vào Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hỏi cung để buộc các bị cáo thừa nhận thực hiện 02 vụ cưỡng đoạt tài sản. Đối với nội dung này, hồ sơ vụ án thể hiện, các bị cáo từng là cộng tác viên bí mật của Tổ Hình sự thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an quận Thủ Đức nên được xem xét áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Trong quá trình điều tra, Điều tra viên Nguyễn Trọng H7 và cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh Q, Phan Tấn Đ1, Lê Duy H8 đều xác định việc điều tra đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm tố tụng như bức cung nhục hình hoặc ký không vào Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hỏi cung vì có Kiểm sát viên ký xác nhận. Riêng bị cáo Võ Minh T2, do không biết chữ nên cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh Q có mời người chứng kiến là Huỳnh Bửu L1 tham gia khi thực hiện ghi lời khai đối với bị cáo Võ Minh T2 (BL: 88-91, 96-97, 106-107, 112- 113).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Thủ Đức, Huỳnh Bửu L1 xác định Cán bộ điều tra Nguyễn Mạnh Q, Phan Tấn Đ1, Lê Duy H8 ghi lời khai đối với Võ Minh T2, Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H là do các bị cáo tự khai nhận, không có việc bức cung nhục hình (BL: 146).

Hồ sơ vụ án ngoài lời khai của các bị hại, còn có tài liệu chứng cứ khác như các bị cáo khai trong việc truy đuổi nhóm ông Đỗ Văn T4 (vụ thứ hai) dẫn đến bị cáo Võ Minh T2 ngã xe và điều trị tại Bệnh viện Quân dân y Miền Đông. Qua xác minh, vào ngày 07/4/2019, bệnh viện có tiếp nhận Võ Minh T2 vào cấp cứu. Tại phiên tòa hình sự phúc thẩm vào ngày 16/9/2020, các bị cáo khai nhận công cụ hỗ trợ là của cán bộ Công an quận Thủ Đức - Hà Thành V giao cho các bị cáo nhưng trước đó các bị cáo khai không biết các công cụ hỗ trợ này của ai. Đối với ông Hà Thành V xác định

không có sự việc trên, cho thấy các bị cáo khai báo quanh co, gian dối nên có sự bất nhất, cố tình gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử đối với vụ án.

Như vậy, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong vụ án này, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, các bị cáo đã cấu kết cùng nhau giả danh là lực lượng Công an tuần tra trên đường phố, qua đó thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của người đi đường vào thời điểm đêm khuya vắng người, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì lợi dụng sự am hiểu pháp luật, giả danh là lực lượng Công an đang thực hiện nhiệm vụ, tạo tâm lý hoang mang lo sợ của người vi phạm nên trong một thời gian ngắn đã thực hiện trót lọt 02 vụ cưỡng đoạt tài sản, thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là đúng người, đúng tội, không oan sai. Nhận thấy, mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là thỏa đáng, phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 với nội dung kêu oan vì không thực hiện hành vi phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo. Các phần khác bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công T1 trình bày: Luật sư không nhất trí với Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức cũng như quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm. Luật sư cho rằng bị cáo Nguyễn Công T1 cũng như 02 bị cáo còn lại không phạm tội. Đây là vụ án không thuộc trường hợp phạm tội quả tang nên quá trình xác minh thu thập chứng cứ làm căn cứ khởi tố vụ án là rất quan trọng; lời khai của bị hại, của người làm chứng, các hoạt động tố tụng như nhận dạng là rất quan trọng và có ý nghĩa để cơ quan tiến hành tố tụng xác định hành vi phạm tội. Qua nghiên cứu vụ án và quá trình thẩm vấn tại phiên tòa, Luật sư nhận thấy tại Quyết định phân công Điều tra viên, cán bộ điều tra vụ án hình sự số 301 ngày 13/5/2019 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) thể hiện Điều tra viên Nguyễn Trọng H7, giấy chứng nhận điều tra viên số 509-223 cấp ngày 08/5/2019 (BL: 35). Tuy nhiên, tại các Biên bản nhận dạng (BL: 78, 81, 84, 85, 86), Nguyễn Trọng H7 đều tham gia với tư cách Điều tra viên là không đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án mà Nguyễn Trọng H7 đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tại Bản án sơ thẩm số 260/2023/HSST ngày 02/6/2023, bị cáo Nguyễn Trọng H7 đã khai chỉ thực hiện các thủ tục sau khi Đội trình sát địa bàn hoàn thiện hồ sơ, bị cáo Nguyễn Trọng H7 không thực hiện các thủ tục nhận dạng, lấy lời khai, xác minh địa điểm. Trong vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2, anh Phan Tấn Đ1 là cán bộ điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã thực hiện 12 văn bản liên quan đến tiền tố tụng (BL: 03, 09, 24-

25, 78, 81, 84-86, 91, 97-98, 117-120, 684); nhưng trong vụ án đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Trọng H7, anh Phan Tấn Đ1 khai chỉ được thực hiện mỗi công việc là ghi biên bản vào 20 giờ 45 phút ngày 06/5/2019; anh Phan Tấn Đ1 đã phủ nhận hoàn toàn 11 văn bản đã thực hiện trong vụ án đối với các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2. Do đó, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức căn cứ vào các nội dung trên để làm căn cứ buộc tội, để khởi tố vụ án, khởi tố bị can là hoàn toàn không có căn cứ. Ngày 14/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra ban hành Quyết định số 349 (BL: 600) để tiến hành xử lý tin báo tố giác tội phạm; tuy nhiên, trước đó Điều tra viên Phan Tấn Đ1 đã thực hiện các hành vi tố tụng khác không trên cơ sở phân công của người có thẩm quyền nên các hành vi tố tụng đó là vi phạm nghiêm trọng tố tụng không có căn cứ để xem xét; đồng thời tại quyết định này cũng thể hiện phân công Nguyễn Trọng H7 làm Điều tra viên trong khi Nguyễn Trọng H7 chưa phải là Điều tra viên là không đúng quy định pháp luật. Hồ sơ vụ án thể hiện, Quyết định số 349 (BL: 600); Biên bản thu ảnh đối tượng (BL: 684, 685) là có sau khi Cáo trạng đầu tiên ngày 30/9/2019 của vụ án được ban hành (BL: 222), việc thu thập tài liệu, đánh bút lục là đã vi phạm điểm a khoản 2 Điều 35 của Thông tư liên tịch 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP. Quá trình nghiên cứu hồ sơ, Luật sư đã tra cứu trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao, tại Bản án số 272/2019/HSST ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xác định “Trần Ngọc D, giới tính: Nam, sinh năm: 1988, tại tỉnh K” và bị tạm giam ngày 03/5/2019. Ngày 03/5/2019, Trần Ngọc D ở Công an phường do Phan Tấn Đ1 lấy lời khai nhưng trong hồ sơ này Trần Ngọc D đã bị tạm giam, Bản án thể hiện Trần Ngọc D phạm tội vào đêm ngày 02/5/2019 rạng sáng ngày 03/5/2019 khi Công an quận Thủ Đức kiểm tra và bắt giữ tại nơi Trần Ngọc D ở trọ thu giữ được ma túy và Trần Ngọc D khai ra có hành vi trộm cắp tài sản. Trần Ngọc D là bị hại nhưng thời điểm đó đã bị tạm giam trong vụ án khác; đặc biệt hồ sơ thể hiện Trần Ngọc D trình độ 0/12 là không biết đọc, không biết viết nhưng Biên bản do Điều tra viên Nguyễn Trọng H7 thực hiện tại Trại tạm giam Chí Hòa (BL: 93) thể hiện Trần Ngọc D đã đọc biên bản và xác nhận đúng lời khai, do đó lời khai của Trần Ngọc D là không có căn cứ. Hành vi phạm tội phải trùng khớp về mặt thời gian, tài liệu của Bệnh viện Quân dân y Miền Đông (BL: 687) và hình ảnh được khai thác từ điện thoại của bị cáo Nguyễn Công T1 thể hiện thời gian này các bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội. Lời khai của bị hại không có sự nhất quán, mâu thuẫn và có sự mâu thuẫn với các đương sự khác nhưng chưa được cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xem xét xử lý. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 108, 359, 157 của Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét cân nhắc các bị cáo không phạm tội và tuyên trả tự do các bị cáo tại phiên tòa. Trường hợp xét thấy cần trả điều tra bổ sung đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 121 Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét cho các bị cáo được tại ngoại, hồ sơ xin được tại ngoại đã được các Luật sư nộp đầy đủ tại cấp sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Công T1 đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không tham gia tranh luận.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 trình bày: Luật sư không đồng ý đối với Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay.

Vụ án thứ nhất: Các bị cáo không lấy tài sản của anh Trần Ngọc D (điện thoại Mobistar), không lấy tiền của chị Trần Ngọc H1 (4.700.000 đồng), không lấy tài sản của anh Đỗ Văn T4 (điện thoại Samsung J7) như Bản án sơ thẩm đã tuyên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Lời khai của anh Trần Ngọc D và chị Trần Ngọc H1 có mâu thuẫn như về số tiền đưa các bị cáo. Không có việc bị cáo Nguyễn Công T1 lấy tiền của chị Trần Ngọc H1 và bắt anh Trần Ngọc D vì chị Trần Ngọc H1 và anh Trần Ngọc D không có trình báo công an, nhưng Phan Tấn Đ1 là cán bộ điều tra hình sự Công an Thành phố Thủ Đức biết được mà đến Công an phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức mời ông Trần Ngọc D lên lấy lời khai ngày 03/5/2019 và áp đặt các câu hỏi để định hướng cho anh Trần Ngọc D (BL: 91-92) và cho anh Trần Ngọc D nhận dạng ngày 03/5/2019 (BL: 81-82); chị Trần Ngọc H1 khai nhận được điện thoại của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận Thủ Đức yêu cầu lên trình báo. Vấn đề này, Luật sư thấy rằng là áp đặt với các bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Do đó, tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này tất cả các bị cáo không có nhận tiền, không có chiếm đoạt của chị Trần Ngọc H1, càng không lấy tài sản của anh Trần Ngọc D. Về các thủ tục tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) là có vi phạm nghiêm trọng như quan điểm Luật sư Đinh Thái H2 đã trình bày. Việc ép cung để nhận tội đối với các bị cáo kêu oan, theo Luật sư là hoàn toàn có thật. Lời khai của anh Hà Thành V về việc đã xây dựng các bị cáo để tham gia phòng chống tội phạm trên địa bàn quận Thủ Đức là sự việc có thật.

Vụ án thứ hai: Ngày 07/4/2019, anh Đỗ Văn T4 trình báo Công an lúc 12 giờ, tuy nhiên lúc 11 giờ anh Phan Tấn Đ1 cùng Viện kiểm sát đã đi trích xuất tất cả camera để làm rõ về hành vi phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” giống như Cơ quan điều tra biết trước việc này khi anh Đỗ Văn T4 là người trình báo; và khi trích xuất camera thì mập mờ không thấy rõ nên không có căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Công T1 đã không ché anh Đỗ Văn T4 để lấy tài sản và đòi tiền. Tất cả lời khai của bị hại, người làm chứng ông Nguyễn Văn H6, bà Đ3 và anh Đỗ Văn T4 đều lúc 04 giờ nhưng chứng cứ bị cáo Nguyễn Công T1 chụp hình bị cáo Võ Minh T2 nằm tại bệnh viện là khoảng 05 giờ; Luật sư nhận thấy thời gian không trùng khớp đối với lời trình bày của bị hại. Tại yêu cầu giám định tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra thể hiện ước lượng chiếc điện thoại trị giá 1.800.000 đồng (BL: 17). Tại sao Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu định giá tài sản mà lại đưa ra giá trước và biết trước được giá định giá. Cơ sở để Hội đồng định giá tài sản đưa ra giá đối với các điện thoại là chưa phù hợp và Kết luận định giá cũng chưa được thông báo cho các bị cáo biết, đã vi phạm quy định tại Điều 219, Điều 222 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng Điều 98, Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên các bị cáo không phạm tội và trả tự do tại phiên tòa.

Các bị cáo Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không tham gia tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp: Về nội dung các Luật sư cho rằng có vi phạm tố tụng, việc này trong hồ sơ vụ án đã có văn bản giải trình của các Điều tra viên và những người tham gia. Tại Quyết định phân công Điều tra viên, cán bộ điều tra giải quyết nguồn tin về tội phạm số 349 ngày 12/4/2019 có phân công 11 đồng chí, trong đó vị

trí số 2 là Điều tra viên Nguyễn Trọng H7, số 3 là cán bộ điều tra Phan Tấn Đ1; nên khi thực hiện các biên bản xảy ra vào tháng 5/2019 là đã được phân công rồi. Về các chứng cứ chứng minh do Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công T1 thu thập đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 86, 87, 88, 163 Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét việc thu thập này có đúng quy định pháp luật hay không? Về ý kiến của Luật sư khiếu nại đối với Kết luận định giá, cơ quan định giá tài sản là cơ quan có chức năng về chuyên môn, việc họ thực hiện là theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm về việc này; do đó, Viện kiểm sát nhận thấy nội dung này Luật sư đưa ra là không có căn cứ. Đối với ý kiến của Luật sư về lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đáng tin cậy thì Viện kiểm sát hoàn toàn bác bỏ, vì lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thống nhất, chỉ có lời khai của các bị cáo trong vụ này là liên tục thay đổi, không đáng tin cậy. Ngoài ra, các bị cáo còn có hành vi bắt giữ người trái pháp luật và trong thời gian các bị cáo tại ngoại đã có hành vi tác động đến người làm chứng dẫn đến cung cấp một số tài liệu không đúng với lời khai của người làm chứng.

Luật sư Đinh Thái H2 tranh luận bổ sung: Những vấn đề Luật sư đã trình bày về tố tụng nêu trên là vi phạm theo điểm o khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự đã làm thay đổi bản chất vụ án.

Luật sư Phạm Trọng E tranh luận bổ sung: Bị cáo Võ Minh T2 không biết chữ nhưng lời khai của bị cáo không có người làm chứng, chỉ duy nhất có bản lời khai của bị cáo Võ Minh T2 có Huỳnh Bửu L1 ký và bản tự khai của bị cáo Võ Minh T2 được Huỳnh Bửu L1 viết hộ nhưng thời điểm đó Huỳnh Bửu L1 chưa đủ 18 tuổi mà theo quy định pháp luật Huỳnh Bửu L1 phải người giám hộ, cơ quan tiến hành tố tụng đã vi phạm nghiêm trọng về vấn đề này đối với bị cáo Võ Minh T2.

Kiểm sát viên đối đáp bổ sung: Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Minh T2, Bản án sơ thẩm đã nhận định về nội dung này là việc này có vi phạm nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ án vì ngoài lời khai của bị cáo còn có lời khai của các bị cáo khác đã được đối chất, cũng như lời khai của bị hại chứ không căn cứ riêng lời khai của bị cáo Võ Minh T2.

Các Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu quan điểm tranh luận, đối đáp trước tòa.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo không thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, bị kết án oan, đề nghị Hội đồng xét xử trả tự do cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H và Võ Minh T2 trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[3] Căn cứ lời khai, bản tự khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng, biên bản nhận dạng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 đã có hành vi cưỡng đoạt tài sản 02 vụ, cụ thể: Khoảng 04 giờ sáng ngày 15/02/2019, Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường Phạm Văn Đồng gần cầu Gò Dưa, thấy ông Trần Ngọc D đang điều khiển xe mô tô. Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 đuổi theo, ông Trần Ngọc D nghĩ là công an nên sợ bỏ chạy, Nguyễn Công T1 ép xe ông Trần Ngọc D vào lề đường, tự xưng là công an, sau đó giữ xe, điện thoại di động của ông Trần Ngọc D và yêu cầu đưa 3.000.000 đồng nếu không sẽ xử phạt. Ông Trần Ngọc D gọi điện thoại cho em ruột là Trần Ngọc H1 đến đưa cho Nguyễn Công T1 4.700.000 đồng, khi nhận được tiền Nguyễn Công T1 trả xe cho ông Trần Ngọc D và bà Trần Ngọc H1 đi về. Sau khi có tiền, Nguyễn Công T1 chia cho Nguyễn Thành H 500.000 đồng, chia cho Võ Minh T2 1.500.000 đồng, Nguyễn Công T1 giữ 2.500.000 đồng còn 200.000 đồng để ăn uống và đổ xăng, Nguyễn Công T1 bán điện thoại di động 900.000 đồng, tiêu xài hết.

Bằng thủ đoạn tương tự, vào khoảng 03 giờ sáng ngày 07/4/2019, Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 và Nguyễn Phương L (không rõ lai lịch) chờ nhau đi trên đường. Khi đến khu vực trước trường đại học An Ninh thuộc phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thấy nhóm Đỗ Văn T4, nghi vấn đưa xe nên Nguyễn Công T1 kêu cả nhóm đuổi theo giữ ông được ông Đỗ Văn T4 còn những người nhóm ông Đỗ Văn T4 bỏ chạy. Nguyễn Công T1 tự xưng là công an yêu cầu ông Đỗ Văn T4 đưa giấy tờ kiểm tra và yêu cầu đưa tiền nếu không sẽ xử phạt, do ông Đỗ Văn T4 không đem theo tiền nên Nguyễn Công T1 giữ giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, hẹn 09 giờ ngày 08/4/2019 ông Đỗ Văn T4 đưa 5.000.000 đồng sẽ trả lại giấy tờ. Nguyễn Công T1 giữ điện thoại di động, còn Nguyễn Phương L giữ giấy tờ của ông Đỗ Văn T4. Ngày 09/4/2019, ông Đỗ Văn T4 đến Công an thành phố Thủ Đức trình báo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm: Xét đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai ban đầu của các bị cáo tại cơ quan điều tra thể hiện các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm pháp luật đúng như nội dung bản kết luận điều tra và bản cáo trạng và án sơ thẩm. Tuy nhiên, sau đó các bị cáo phản cung kêu oan cho rằng không thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của bất kỳ ai. Lý do khai nhận tội ban đầu là do cán bộ điều tra và điều tra viên ép cung, đánh ép buộc các bị cáo khai theo hướng dẫn và ép các bị cáo ký vào các biên bản ghi lời khai và bản tự khai.

Về nội dung này, xét thấy: Thời điểm vụ án xảy ra từ năm 2019, các bị cáo đều được các cơ quan tiến hành tố tụng của Thủ Đức cho tại ngoại để phục vụ công tác điều tra, cho đến ngày 01/4/2024 các cơ quan tố tụng thành phố Thủ Đức mới thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp tạm giam, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ thể hiện các cán bộ điều tra, điều tra viên, đều thực hiện khách quan, vô tư đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có việc bị ép cung hay bị nhục hình như các bị cáo khai tại sa u này. Đồng thời nội dung lời khai tại sau này của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm có nhiều mâu thuẫn, lời khai sau mâu

thuần với lời khai trước, mâu thuẫn với chính lời khai của các bị cáo trước đó. Mặt khác, Cơ quan điều tra không chỉ chứng minh hành vi phạm tội bằng lời khai của các bị cáo mà vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác khách quan, phù hợp với quy trình tố tụng hình sự. Như vậy, Hội đồng xét xử, có đủ cơ sở để xác định: Các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 đã có hành vi uy hiếp, đe dọa tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội. Bản thân các bị cáo lợi dụng là cộng tác viên của tổ hình sự đặc nhiệm Công an thành phố Thủ Đức, lợi dụng thời gian đêm khuya về sáng đã thực hiện 02 vụ cưỡng đoạt tài sản, thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm. Xét, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Công T1 chịu trách nhiệm chính, trực tiếp thực hiện tội phạm, bị cáo Võ Minh T2 và Nguyễn Thành H tham gia với vai trò giúp sức. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo với tội danh và hình phạt như trên là phù hợp, đúng pháp luật, không oan sai như đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Do đó, kháng cáo kêu oan của các bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

Về các ý kiến bào chữa của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều không đồng tình việc điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và cho rằng các bị cáo không thực hiện hành vi như cấp sơ thẩm quy kết, các bị cáo bị oan. Đồng thời các Luật sư nêu các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an thành phố Thủ Đức như: cán bộ điều tra, Điều tra viên khi chưa được phân công, chưa được bổ nhiệm đã thực hiện hành vi tố tụng và thực hiện ghi lời khai bị hại Trần Ngọc D khi Trần Ngọc D đã bị bắt, bị điều tra xét xử về một tội khác, phần lý lịch của Trần Ngọc D ghi trình độ văn hóa 0/12 thì không thể có việc thực hiện các tố tụng của vụ án này...; về các nội dung mà các Luật sư nêu, Hội đồng xét xử xét thấy, vụ án trước đây đã bị cấp phúc thẩm hủy để điều tra lại, cơ quan điều tra đã tiến hành tố tụng với người tiến hành tố tụng khác, nếu có sai sót cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án. Hồ sơ của vụ án còn có các tài liệu khác, chứng cứ khác chứng minh hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo. Do đó ý kiến bào chữa của các Luật sư cho các bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm khẳng định: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2 nêu trên đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Lập luận nêu trên là quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lời bào chữa của các Luật sư, các bị cáo cho rằng đã bị cấp sơ thẩm xét xử làm oan đối với các bị cáo, chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T1, Nguyễn Thành H, Võ Minh T2, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 322/2024/HS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Minh T2 02 (hai) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - CA TP.HCM; (1)
- TAND thành phố Thủ Đức; (1)
- VKSND thành phố Thủ Đức; (1)
- Công an thành phố Thủ Đức; (1)
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức; (1)
- Bị cáo; (3)
- Người tham gia tố tụng; (5)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (30). (7)

Trần Minh Châu